TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2019/DS-ST
Ngày: 08 - 10 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Bạn
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Bùi Thị Sim– Thư ký Tòa án Tp. Buôn Ma Thuột
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột* không tham gia phiên tòa.

Ngày 08-10-2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2019/DSST ngày 28 tháng 5 năm 2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXX-DS ngày 28/8/2019 giữa các đương sự :

* Nguyên đơn: Ông Trần Quốc C
Nơi cư trú: Số nhà 77 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

* Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H
Nơi cư trú: Số nhà 02 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Quốc C trình bày:

Do mối quan hệ quen biết giữa bà Phạm Thị Mỹ Hvà con gái ông nên ngày 30/3/2016 ông có cho bà H vay số tiền 150.000.000đồng, hai bên có lập hợp đồng vay vốn số 01/2016, thời hạn vay 01 năm, mục đích bà H vay để đầu tư kinh doanh phòng khám da liễu của bà H. Trong giấy vay ghi không tính lãi suất mà ghi tiền trượt giá 08%/ năm có nghĩa là tiền lãi suất 08%/năm. Tài sản ông cầm làm tin là giấy chứng nhận quyền sử đất số BB 783172 thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, địa chỉ phường T, thành phố B (Bản gốc). Ông đã đòi bà H nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả cho ông

được số tiền gốc và lãi suất nào nên năm 2018 ông đã khởi kiện và bà H và bà H có viết giấy hẹn nợ đến ngày 11/6/2018 sẽ trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh nên ông đã rút đơn khởi kiện nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả tiền cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho ông số tiền gốc là 150.000.000đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 30/3/2016 đến ngày 30/3/2017 với mức lãi 08%/năm và từ ngày 31/3/2017 đến nay với mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Lúc bà H vay tiền thì bà H và ông Phan Ngọc N đã ly hôn nên ông chỉ yêu cầu một mình bà H có nghĩa vụ trả tiền cho ông.

2. Trong bản tự khai và Biên bản hòa giải bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của ông Trần Quốc C là đúng. Vào ngày 30/3/2016 bà có vay của ông Trần Quốc C với số tiền 150.000.000 đồng, mục đích để đầu tư phòng khám da liễu với thời hạn 01 năm, lãi suất 8%/năm. Bà có đưa 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 783172 thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, địa chỉ phường T,thành phố B cho ông C giữ. Từ khi vay cho đến nay do phòng khám không có khách và đã đóng cửa nên bà chưa có tiền trả cho ông C lãi và gốc. Sau đó ông C có khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và bà có hẹn lại nợ vào ngày 11/6/2018. Nhưng do làm ăn cũng khó khăn vì phải nuôi 02 con đi học nên không có đủ để trả cho ông C. Nay ông C khởi kiện lại yêu cầu bà phải trả số tiền gốc 150.000.000đồng thì bà đồng ý .Về lãi suất: Bà xin ông C xem xét tính lãi suất 9%/năm từ ngày vay đến nay và không tính lãi quá hạn vì khả năng tài chính của bà hiện giờ rất khó khăn và xin trả dần thành 03 lần, mỗi lần cách nhau 07 tháng. Đây là nợ riêng của bà không liên quan tới ông Phan Ngọc N vì bà và ông Nhàn đã ly hôn trước khi bà vay tiền của ông C để đầu tư riêng vào phòng khám da liễu. Đề nghị Tòa án không triệu tập ông N để làm việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật***:*** Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc C khởi kiện buộc bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H. Nơi cư trú: Số nhà 02 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải trả số tiền vay là 150.000.000đồng và lãi suất phát sinh, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng***:*** Tòa án đã tống đạt hợp pháp Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn ông Trần Quốc C không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 241 BLTTDS. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung khởi kiện:

- Về số tiền vay gốc: Vào 30/3/2016 bà Phạm Thị Mỹ H đã vay của ông Trần Quốc C số tiền 150.000.000đồng, hai bên có lập hợp đồng vay vốn có chữ ký và chữ viết của bà H và bà H cũng đã thừa nhận. Đến hẹn trả nợ ngày 30/6/2017 bà H vẫn chưa trả số tiền trên cho ông C và ngày 11/4/2018 bà H có viết lại giấy hẹn sau 02 tháng, kể từ ngày đến ngày 11/4/2018 sẽ trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh nhưng cho đến nay bà H vẫn chưa trả số tiền trên. Cùng với việc khởi kiện của mình ông C đã xuất trình chứng cứ là "Hợp đồng vay vốn số 01/2016" ngày 30/3/2016 bản gốc. Xét thấy việc vay tiền giữa ông C và bà H là có thật, đến hạn trả nợ nhưng bà H không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc C buộc bà Phạm Thị Mỹ H trả cho ông Trần Quốc C số tiền vay gốc 150.000.000đồng.

- Về lãi suất: Khi vay tiền ông C và bà H có thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng vay 8%/năm. Ông C yêu cầu tính lãi suất phát sinh trong hạn từ ngày 30/3/2016 đến ngày 30/3/2017 với mức lãi 08%/năm và lãi suất quá hạn từ ngày 31/3/2017 đến nay với mức lãi suất 150% so với lãi suất trong hạn là 12%/ năm, còn bà H xin ông C tính lãi suất 09%/năm từ ngày vay cho đến nay nhưng ông C không đồng ý. Xét mức lãi suất của ông C yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Lãi suất trong hạn từ ngày 30/3/2016 đến ngày 30/3/2017 là 365 ngày x 150.000.000đ x 0,66%/tháng: 30 ngày = 12.045.000đồng; Lãi suất quá hạn từ ngày 31/3/2017 đến ngày 08/10/2019 là 921 ngày x 150.000.000đồng x 1%/ tháng: 30 ngày = 46.050.000đồng. Tổng cộng lãi suất là 58.095.000đồng.

Vì vậy cần buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho ông Trần Quốc C tổng số tiền: 208.095.000đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 0,66%/tháng(08%/năm).

- Về giấy chứng nhận quyền sử đất số BB 783172 thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, địa chỉ phường T, Tp. B mà ông C đã cầm làm tin của bà H không phải là tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nên khi nào bà H trả hết số tiền trên cho ông C thì ông C phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử đất nêu trên cho bà Hiền.

[4]. Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 208.095.000đồng x 5% = 10.404.000đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 471, 476,478 Bộ luật dân sự 2005

- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc C

1. Buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho ông Trần Quốc C tổng số tiền 208.095.000đồng *(Hai trăm linh tám triệu, không trăm chín lăm ngàn đồng)*.Trong đó 150.000.000đồng tiền gốc và 58.095.000đồng lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,66%/tháng.

- Về giấy chứng nhận quyền sử đất số BB 783172 thửa đất số 192, tờ bản đồ 11, địa chỉ phường T, thành phố B mà ông C đã cầm làm tin của bà H không phải là tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nên khi nào bà H trả hết số tiền trên cho ông C thì ông C phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử đất nêu trên cho bà Hiền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm**:** Bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.404.000đồng

Ông Trần Quốc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 5.251.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001560 ngày 27/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đươc bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Mai